

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - HP**

Bản án số: 75/2019/DS-ST.

Ngày: 09/9/2019.

V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly.

2. Ông Huỳnh Tấn K.

-Thư ký G biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

-Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Tôn Văn Xuyên – kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2016/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2016 về việc tranh chấp: “*Quyền sử dụng đất, Bồi thường thiệt hại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2019/QĐST- DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969. Có mặt.

1.2. Bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1967. Có mặt.

Cùng trú tại: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P – Luật sư, thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P – Đoàn luật sư An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh P1, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện C; nơi làm việc: ấp Thị, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.3. Em Nguyễn Lê Nhật L1, sinh năm 2004; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

3.4. Em Nguyễn Lê Thủ K, sinh năm 2007; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Lê Nhật L1, em Nguyễn Lê Thủ K: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 và bà Lê Thị Bé T, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; là cha, mẹ của các em L1, K; là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

3.5. Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt.

3.6 Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.7. Anh Nguyễn Trung H1, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.8. Chị Nguyễn Thị Phụng G, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.9. Chị Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Bé T trình bày: Nguồn gốc đất là do cha mẹ cho vào năm 1992 đến năm 2001 ông bà được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 49,9 m². Đến ngày 30.10.2015 ông Trần Minh P1 cất nhà tiền chế trên phần đất của ông bà diện tích ngang khoảng 5m dài khoảng 6m. Trên phần đất này vợ chồng ông bà có để cát, gạch ống, gạch thẻ, đá 4x6 và đá 1x2 và có hàng rào B40. Trong quá trình xây dựng ông P1 có lấy của vợ chồng ông khoảng 03 khối cát, 03 thiên gạch ống, 03 thiên gạch thẻ, 03 khối đá 4x6, 07 khối đá 1x2 và làm hư hỏng khoảng 15m lưới B40. Nay ông bà yêu cầu ông Trần Minh P1 trả lại cho ông bà diện tích qua đo đạc thực tế là 55,2m² và yêu cầu ông P1 bồi thường số gạch, cát, đá, hàng rào B40 cho vợ chồng tôi tổng số tiền 6.000.000 đồng. Nng qua đo đạc thì phần đất này không nằm trong giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số 04685QSDĐ/IB ngày 12/11/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho vợ chồng ông bà. Ông bà xác định yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án và tôi sẽ nộp đơn lựa chọn Tòa án giải quyết. Ông P1 cho rằng phần đất mà ông cất căn nhà diện tích 55,2m² đang tranh chấp là của ông X, bà G thuê ông cất là không đúng mà là của ông P1 cất nhà để đồ. Nay ông bà xác định kiện ông Trần Minh P1 và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tôi thống nhất giá đất, giá nhà, giá bờ kè tranh chấp do Hội đồng định giá đã định theo biên bản định giá ngày 05/5/2017, không yêu cầu Tòa án đo đạc và định giá lại tài sản tranh chấp.

Bị đơn ông Trần Minh P1 trình bày: Đối với yêu cầu của ông L, bà Bé T yêu cầu ông trả phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 55,2m² và yêu cầu bồi thường số tiền 6.000.000 đồng ông không đồng ý. Vì đối với phần đất này thì ông chỉ là thợ cửa sắt do vợ chồng bà G thuê ông để cất nhà tiền chế cho ông X, bà G. Còn đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là số gạch, cát, đá, hàng rào B40 thì tôi không đồng ý, vì tôi chỉ là thợ cửa sắt không biết việc xây thợ hồ nên tôi không lấy số gạch, cát, đá, hàng rào B40 của ông L, bà T. Do tôi không có liên quan gì đến vụ án này nên tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với bảng vẽ sơ đồ khu đất tranh chấp và giá đất do Hội đồng định giá đã định. Tôi vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày N trước đây.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc G trình bày: Phần đất tranh chấp này, có nguồn gốc là của ông nội chồng tôi tên Nguyễn Văn Ta cho ông Nguyễn Văn L vào năm 2001 cất nhà để ở, sau đó phần đất này bị ngập nước nên ông L xin ông nội chồng tôi, lên phía sau (trên bờ) để cất nhà ở và trả phần đất này lại cho ông nội chồng tôi. Lúc này, ông nội chồng tôi sống cùng với chú sáu chồng tôi tên Nguyễn Văn B. Đến năm 2007, vợ chồng bà thỏa thuận mua phần đất này của ông B lại với giá 60.000.000 đồng (đã giao đủ tiền cho ông Bên). Năm 2016 vợ chồng bà có thuê ông Trần Minh P1 cất nhà tiền chế trên phần đất bãi bồi (vợ chồng tôi xây bờ kè trước đó) trừ phần đất diện tích 49m² mà ông L, bà Bé T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không nhớ diện tích phần đất này nhưng có chiều ngang khoảng 05m, chiều dài 10m, do tôi không có nhu cầu sử dụng nên cho ông P1 thuê nhà tiền chế này để dự trữ đồ nên có việc thông cửa qua nhà ông P1 mua bán cửa nhôm như hiện nay. Bà xác định nhà tiền chế này là của vợ chồng tôi, không phải của ông P1 và phần đất mà ông L, bà Bé T tranh chấp với ông P1 là đất của bà, không phải đất của ông L, bà Bé T. Chồng bà ông X đã chết vào năm 2017, chồng tôi có một người vợ trước tên là H2, nhưng đã ly hôn, tôi không biết họ, năm sinh và địa chỉ của người này, một người con với vợ trước là Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; bà với ông X có 03 đứa con chung gồm: Nguyễn Trung H1, sinh năm 1993, Nguyễn Thị Phụng G, sinh năm 1996 và Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 2002. Do ông L, bà Bé T không có tranh chấp với tôi nên không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này. Tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với bảng vẽ sơ đồ khu đất tranh chấp và giá đất do Hội đồng định giá đã định. Tôi vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trước đây.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang, ông Nguyễn Hồng Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trung H1, bà Nguyễn Thị Phụng G, Nguyễn Huỳnh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do nên không tiến hành phiên hòa giải được.

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại đất và bồi thường thiệt hại. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Minh P1 có nơi cư trú ấp Thị 2, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] *Về nội dung*: Nguyên đơn ông L, bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Minh P1 trả lại cho ông bà diện tích là 55,2m² tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện Chợ Mới và yêu cầu ông P1 bồi thường số gạch, cát, đá, hàng rào B40 với số tiền 6.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của ông L bà T.

Tòa án tiến hành định xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đất và đo đạc diện tích đất tranh chấp, qua đo đạc phần đất hiện có tranh chấp diện tích 55,2m² phần đất chưa được cấp quyền sử dụng đất phần giáp bờ sông Tiền có xây dựng 01 kè đá, trên đất có một căn nhà tiền chế trước đây do ông P1 cất, hiện đang sử dụng để chứa vật liệu để làm cửa sắt của ông P1. Đất có giá 800.000đ/m².

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp trong quá trình khởi kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04685/IB ngày 12/11/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông L các biên bản làm việc của cán bộ địa chính xã ngày 09/12/2015, ngày

28/12/2015, ngày 12/01/2016 và các biên bản hòa giải ngày 27/10/2016, 03/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã H.

Qua tranh luận tại phiên tòa thì nguyên đơn ông L bà Bé T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Phía ông P1 bà G không có ý kiến gì khác. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án.

Về chi phí tố tụng: Số tiền 2.444.300đ ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Bé T tạm ứng trước, do ông L bà T rút yêu cầu khởi kiện nên ông L bà Bé T phải chịu.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Áp dụng: Điều 217, 218, 219, 235, 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Bé T yêu cầu ông Trần Minh P1 trả lại diện tích đất 55,2m² tại các điểm 7, 8, 9, 10, 11 theo Sơ đồ đo đạc ngày 02/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện Chợ Mới.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Bé T yêu cầu ông Trần Minh P1 bồi thường thiệt hại tài sản với số tiền 6.000.000đ.

Chi phí tố tụng: Số tiền 2.444.300đ ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Bé T phải chịu (đã nộp xong).

Án phí DSST: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Bé T số tiền 700.000đồng theo biên lai số 0004829 ngày 29/11/2016 và biên lai số 0000052 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Bình

